TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐST
Ngày: 26/8/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phan Thị Thanh Dung.**

2. Ông **Dương Minh Ngọc**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mùi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đồng Thị T, sinh năm: 1998, địa chỉ: Thôn D, xã Tam A, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tự Minh H, sinh năm: 1992, địa chỉ: Thôn D xã Tam A, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đồng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đồng Thị T và ông Nguyễn Tự Minh H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam A, huyện Núi Thành vào năm 2019. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không quan tâm tới kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, hay tranh chấp cãi vả. Từ tháng 10/2021 đến nay vợ chồng phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm không hàn gắn được. Xét

thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, vợ chồng không thể đoàn tụ nên bà T làm đơn yêu cầu ly hôn ông Hiện.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T và ông H có một con chung tên Nguyễn Tự Minh K, sinh năm: 2020. Nếu ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Tự Minh H không có lời trình bày tại hồ sơ và tại phiên tòa.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà bà Đồng Thị T được ly hôn ông Nguyễn Tự Minh H. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Bà Đồng Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với ông Nguyễn Tự Minh H. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì ông H có đăng ký thường trú tại thôn D, xã Tam A huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Ông H là bị đơn đã được Tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân**: Bà Đồng Thị T và ông Nguyễn Tự Minh H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam A, huyện Núi Thành vào ngày 14/11/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo

bà T khai do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xuyên cãi vả tranh chấp. Ông H không quan tâm gia đình, không lo làm ăn. Sự việc đã được hai bên gia đình đứng ra khuyên răn hòa giải nhưng không khắc phục được. Ông H đã được Tòa án tống đat thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ nhưng ông H không đến Tòa, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T. Như vậy, ông H không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để quay về đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà Đồng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tự Minh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung**:

[3.1] **Về con chung**: bà T và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Tự Minh K, sinh ngày 31/3/2020. Bà T yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng của các bên cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ. Hiện nay cháu K còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, đang ở với bà T; bà T có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K và căn cứ theo quy định của pháp luật nên xét giao con chung Nguyễn Tự Minh K, sinh ngày 31/3/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] **Về cấp dưỡng nuôi con chung**: Do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung**: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét

[5] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm**: Bà Tuyền phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị T về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* đối với bị đơn ông Nguyễn Tự Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đồng Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Tự Minh H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Nguyễn Tự

Minh K, sinh ngày 31/03/2020 cho bà Đồng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Tự Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Tự Minh H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông Hiện thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đồng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011033 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Núi Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Núi Thành;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *UBND xã Tam Anh Nam, huyện Núi Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, AV.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Thùy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa